

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/KDTM-ST  
Ngày: 03-7-2020  
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng thi công*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Tiến Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Diệp

Ông Trần Văn Tùng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Trần Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Trong ngày 03 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2020/TLST-KDTM ngày 06 tháng 3 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng thi công*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-KDTM ngày 08 tháng 6 năm 2020 giữa:

**1. Nguyên đơn:**

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại - Dịch vụ V.

Địa chỉ trụ sở: Khu vực A, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

*Người đại diện theo pháp luật:*

Anh Q, sinh năm 1976.

Chức vụ: Giám đốc Công ty.

Nơi cư trú: Số A đường B, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Anh Q có mặt.*

**2. Bị đơn:**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu - Lâm thủy sản B.

Địa chỉ trụ sở: Số A Quốc lộ B, khu phố C, thị trấn D, huyện E, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo pháp luật:*

Anh H, sinh năm 1960.

Chức vụ: Giám đốc Công ty.

Nơi cư trú: Số D đường C, phường B, quận A, thành phố Cần Thơ.

*Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:*

Anh B - Nhân viên Phòng TC-HC Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu - Lâm thủy sản B.

Nơi cư trú: Số A ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bến Tre.

*Anh B có mặt.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại tòa, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 01/10/2014 giữa Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu - Lâm thủy sản B (gọi tắt là Công ty B) với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại - Dịch vụ V (gọi tắt là Công ty V) ký kết Hợp đồng kinh tế số: 29A/HĐKT để thi công hệ thống ao nuôi tôm 74ha, 30ha và 37ha khu A. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, người đại diện theo pháp luật của Công ty V là ông T. Quá trình thực hiện hợp đồng, phía Công ty V đã thực hiện hoàn tất khối lượng công trình theo Hợp đồng kinh tế số: 29A/HĐKT ngày 01/10/2014.

Ngày 06/01/2017 các bên đã nghiệm thu công trình và đối chiếu công nợ. Tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 06/01/2017 thì phía Công ty B còn nợ Công ty V số tiền 9.144.135.220 đồng. Hiện tại Công ty V có sự thay đổi về thành viên góp vốn. Ông T đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp lại cho anh Q và anh Q thay ông T là người đại diện theo pháp luật của Công ty V.

Để giải quyết công nợ của Công ty B đối với Công ty V, anh Q đã nhiều lần đến Công ty B để liên hệ với anh H làm việc về phương thức và thời hạn thanh toán nhưng anh H tránh mặt, không làm việc với anh Q.

Ngày 10/12/2019 Công ty V chính thức gửi văn bản đến Công ty B về việc gặp nhau để trao đổi thanh toán số nợ trên (văn bản được gửi bảo đảm, có phiếu báo phát của bưu điện). Mặc dù Công ty B đã nhận được văn bản của Công ty V nhưng Công ty B không có sự phản hồi cho Công ty V. Ngày 17/12/2019 Công ty V tiếp tục có văn bản gửi Công ty B đề nghị sắp xếp thời gian để bàn bạc giải quyết số nợ trên. Công ty B đã nhận được văn bản của Công ty V nhưng vẫn không có sự phản hồi mà tiếp tục im lặng.

Nay Công ty V yêu cầu Công ty B trả số tiền 9.144.135.200 đồng theo biên

bản đối chiếu công nợ ngày 06/01/2017. Công ty V không yêu cầu Công ty B trả tiền lãi của số tiền 9.144.135.200 đồng.

*Tại bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại tòa, người đại diện theo pháp luật của bị đơn trình bày:*

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu - Lâm thủy sản B (gọi tắt là Công ty B) thừa nhận vào ngày 01/10/2014 có ký kết Hợp đồng kinh tế số: 29A/HĐKT với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại - Dịch vụ V (gọi tắt là Công ty V) để thi công hệ thống ao nuôi tôm 74ha, 30ha và 37ha khu A. Sau khi hoàn tất khối lượng công trình, giữa Công ty B với Công ty V có đối chiếu công nợ với số tiền 9.144.135.200 đồng. Hiện tại Công ty B thừa nhận còn nợ Công ty V số tiền 9.144.135.200 đồng theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 06/01/2017. Tuy nhiên, hiện nay tình hình tài chính của Công ty B đang gặp rất nhiều khó khăn, không còn vốn hoạt động, Công ty B đã tạm ngừng sản xuất kinh doanh từ đầu tháng 02/2020. Hơn nữa, Công ty B là công ty con của Tập đoàn H. Do đó, anh H đề nghị ông T, anh Q và anh cùng đến gặp ông Dương Ngọc M là Tổng giám đốc Tập đoàn H để bàn bạc tìm hướng giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại tòa, căn cứ lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về tố tụng:**

Căn cứ đơn khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại - Dịch vụ V đối với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu - Lâm thủy sản B thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng thi công*”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu - Lâm thủy sản B có địa chỉ trụ sở tại số A Quốc lộ B, khu phố C, thị trấn D, huyện E, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại tòa, các bên đương sự thống nhất hiện tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu - Lâm thủy sản B còn nợ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại - Dịch vụ V số tiền 9.144.135.200 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

#### **[2] Về nội dung:**

*Xét yêu cầu của khởi kiện Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại - Dịch vụ V thấy rằng:*

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của đương sự tại tòa thể hiện: Ngày 01/10/2014 giữa Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu - Lâm thủy sản B (sau đây gọi tắt là Công ty B) với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại - Dịch vụ V (sau đây gọi tắt là Công ty V) ký kết Hợp đồng kinh tế số: 29A/HĐKT để thi công hệ thống ao nuôi tôm 74ha, 30ha và 37ha khu A. Sau khi

hoàn thành công trình, ngày 06/01/2017 các bên đã nghiệm thu công trình và đối chiếu công nợ. Tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 06/01/2017 thì phía Công ty B còn nợ Công ty V số tiền 9.144.135.220 đồng. Tại tòa, người đại diện theo pháp luật của Công ty B thừa nhận tính đến thời điểm hiện tại Công ty B còn nợ Công ty V số tiền 9.144.135.220 đồng. Do đó, việc Công ty V yêu cầu Công ty B trả số tiền 9.144.135.220 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần buộc Công ty B trả cho Công ty V số tiền 9.144.135.220 đồng là phù hợp.

**[3] Về án phí:** Do yêu cầu khởi kiện của Công ty V được chấp nhận nên Công ty B có nghĩa vụ chịu án phí với số tiền là 117.144.000 đồng. Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho Công ty V số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng các điều 385, 398, 401, 422, 429 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**[1] Buộc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu - Lâm thủy sản B trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại - Dịch vụ V số tiền 9.144.135.220 (Chín tỷ một trăm bốn mươi bốn triệu một trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm hai mươi) đồng.**

*Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

**[2] Về án phí:** Buộc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu - Lâm thủy sản B chịu án phí với số tiền là 117.144.000 (Một trăm mười bảy triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng

Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại - Dịch vụ V số tiền 58.572.000 (Năm mươi tám triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009812 ngày 03 tháng 3 năm 2020.

**[3] Quyền kháng cáo:** Dương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự*

*có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- CCTHADS huyện C, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Dương Tiến Dũng**